

Số: /TTBVTV-TTPC

Ninh Thuận, ngày tháng 3 năm 2023

V/v cung cấp thông tin giá phân bón,
thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh trong
tháng 3 năm 2023.

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện sự chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thu thập thông tin giá cả vật tư nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo giá một số loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) thường sử dụng trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Kết quả thực hiện

Qua thu thập về giá phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tại các cửa hàng, đại lý buôn bán trên địa bàn tỉnh. Đơn vị, báo cáo giá bán một số loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong tháng 3 năm 2023 *(kèm theo phụ lục)*.

2. Nhận xét

- Về thời vụ: Diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân 2022-2023 là 30.951,3 ha. Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật đủ cung cấp cho sản xuất các loại cây trồng trong vụ Đông Xuân 2022-2023 trên địa bàn tỉnh.

- Về giá thuốc BVTV, phân bón: các cơ sở buôn bán niêm yết giá theo đúng quy định. Giá các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong tháng 3 không đổi so với tháng trước.

Trên đây là kết quả khảo sát giá cả một số loại phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh trong tháng 3 năm 2023, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật báo cáo để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết và tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Các Trạm TT và BVTV huyện/tp (t/h);
- Lưu: VT, TTPC.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục. Giá cả phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong tháng 3 năm 2023

STT	Mặt hàng	ĐVT	Giá bán hiện tại (đồng/kg/gói/chai)	Tăng/giảm so với tháng trước
A	Phân bón			
1	Phân Đạm (Ure)	kg	11000	Giá không đổi so với tháng trước
2	Phân SA	kg	7000	
3	Phân Lân	kg	5000	
4	Phân Kali	kg	14000	
5	Phân N-P-K (20-20-15)	kg	20000	
6	Phân N-P-K (20-0-10)	kg	12000	
7	Phân hữu cơ Quế Lâm	kg	5000	
8	Phân hữu cơ vi sinh	kg	5000	
B	Thuốc BVTV			
I	Thuốc trừ sâu			Giá không đổi so với tháng trước
1	Confidor 200SL	100ml	125.000	
2	Anvado 100SL	100g	12.000	
3	Ascend 20 SP	100g	35.000	
4	Chess® 50WG	20g	35.000	
5	Hopsan 75 EC	450	140.000	
6	Applaud 25SC	100g	20.000	
7	Padan 95SP	100g	85.000	
8	Chlorferan 240SC	60ml	60.000	
9	Silsau super 3.5 EC	100ml	35.000	
II	Thuốc trừ bệnh			
1	Tilt Super 300 EC	100ml	85.000	
2	Nativo 750WG	6g	18.500	
3	Starner 20WP	100g	85.000	
4	Antracol 70WP	100g	30.000	

5	Ranman 10SC	40ml	42.000	
6	Dithane M-45 80WP	250g	48.000	
III	Thuốc trừ cỏ			
1	Sofit 300 EC	100ml	34.000	Giá không đổi so với tháng trước
2	Sunrice 15 WG	15g	3.000	
3	Cyhan 250 EC	100ml	55.000	
4	Push 330 EC	100ml	95.000	
5	Fony 300 SC	100ml	55.000	
IV	Thuốc trừ ốc			
1	Yellow-K 12 GB	1kg	55.000	
2	Toxbait 120 AB	1kg	35.000	
3	Molucide 6 GB	1kg	33.000	